

Hà Đông, ngày 15 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về kết quả giáo dục thực tế của trường tiểu học Trần Phú
Năm học 2024-2025

1. Thông tin về học sinh

- Tổng số học sinh: 1654/37 lớp; Tỉ lệ học sinh/lớp: 44.7 HS

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	HS học 2 buổi/ngày		HS ăn bán trú		Học sinh khuyết tật	HS có HC KK	HS dân tộc
				SL	%	SL	%			
1	7	320	136	320	100	301	95.9	3	2	3
2	7	309	137	309	100	285	98.5	4	3	6
3	8	325	148	325	100	300	96.6	2	4	6
4	8	347	180	347	100	312	94.3	1	1	8
5	7	353	167	353	100	314	94.0	4	4	8
Tổng	37	1654	768	1654	100	1512	91.4	14	14	31

2. Thông tin về chất lượng giáo dục

2.1. Kết quả đánh giá cụ thể

Môn học	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
a. Kết quả học tập						
Toán	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: HTT	1238 = 75.5%	275 = 86.5%	223 = 73.2%	213 = 66.0%	270 = 78%	257 = 73.6%
- HT	398 = 24.3%	39 = 12.3%	82 = 36.8%	109 = 33.7%	76 = 22%	92 = 26.4%
- CHT	5 = 0.3%	4 = 1.2%	0	1 = 0.3%	0	0
Tiếng Việt	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: HTT	1113=67.8%	247 = 77.7%	206 = 67.5%	195 = 60.4%	233 = 67.3%	232 = 66.5%
- HT	523 = 31.9%	67 = 21.1%	99 = 32.5%	127 = 39.3%	113 = 32.7%	117 = 33.5%
-CHT	5 = 0.3%	4 = 1.2	0	1 = 0.3%	0	0
Đạo đức	1641	318	305	323	346	349

Chia ra: HTT	1174 = 71.5%	230 = 72.3%	221 = 72.5%	219 = 67.8%	251 = 72.5%	253 = 72.5%
- HT	467 = 28.5%	88 = 27.7%	84 = 27.5%	32.2 %	95 = 27.5%	96 = 27.5 %
CHT	0	0	0	0	0	0
Khoa học	695	0	0	0	346	349
Chia ra: HTT	540 = 77.7%				263 = 76%	277 = 79.4%
- HT	155 = 22.3%				83 = 24%	72 = 20.6%
-CHT	0				0	0
TN&XH	946	318	305	323	0	0
Chia ra: HTT	637 = 67.3%	201 = 63.2%	216 = 70.8%	220 = 68.1%		
- HT	309 = 32.7%	117 = 36.8%	89 = 29.2%	103 = 31.9 %		
-CHT	0	0	0	0		
LS&DL	695	0	0	0	346	349
Chia ra: HTT	489 = 70.4%				244 = 70.5%	245 = 70.2%
- HT	206 = 29.6%				102 = 29.5%	104 = 29.8%
CHT	0				0	0
Âm nhạc	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: HTT	624 = 38%	110 = 34.6%	105 = 34.4%	124 = 38.4%	140 = 40.5%	145 = 41.5%
- HT	1017 = 62%	208 = 65.4%	200 = 65.6%	199 = 61.6%	206 = 59.5%	204 = 58.5%
CHT	0	0	0	0	0	0
Mĩ thuật	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: HTT	855 = 52.1%	155 = 48.7%	165 = 54.1%	165 = 51.1%	188 = 54.3%	182 = 52.1%
- HT	786 = 47.9%	163 = 51.3%	140 = 45.9%	158 = 48.9%	158 = 45.7%	167 = 47.9%
CHT	0	0	0	0	0	0
Hoạt động trải nghiệm	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: HTT	1118 = 68.1%	211 = 66.4%	221 = 72.5%	215 = 66.6%	229 = 66.2%	242 = 69.3%
- HT	523 = 31.9%	107 = 33.6%	84 = 27.5%	108 = 33.4%	117 = 33.8%	107 = 30.7%
CHT	0	0	0	0	0	0
Thể dục	1640	317	305	323	346	349
Chia ra: HTT	965 = 58.8%	194 = 61.2%	181 = 59.3%	162 = 50.2%	224 = 64.7%	204 = 58.5%
- HT	675 = 41.2%	123 = 38.8%	124 = 40.7%	161 = 49.8%	122 = 35.3%	145 = 41.5%
-CHT	0	0	0	0	0	0
Ngoại ngữ	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: HTT	1024 = 62.4%	264 = 83%	246 = 80.7%	154 = 47.7%	188 = 54.3%	172 = 49.3%

- HT	617 = 37.6%	54 = 17%	59 = 19.3%	169 = 52.3%	158 = 45.7%	177 = 50.7%
CHT	0	0	0	0	0	0
Tin học	1018	0	0	323	346	349
Chia ra: HTT	494 = 48.5%			160 = 49.5%	176 = 50.9%	158 = 45.3%
- HT	524 = 51.5%			163 = 50.5%	170 = 49.1%	191 = 54.7%
CHT	0			0	0	0
b. Năng lực cốt lõi						
NL chung						
Tự chủ và tự học	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1288 = 78.5%	261 = 82%	255 = 83.6%	230 = 71.2%	289 = 83.5%	253 = 72.5%
- Đạt	353 = 21.5%	57 = 28%	50 = 16.4%	93 = 28.8%	57 = 16.5%	96 = 27.5%
CCG	0	0	0	0	0	0
Giao tiếp và Hợp tác	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1306 = 79.6%	245 = 77%	251 = 82.3%	268 = 83%	277 = 80%	265 = 75.9%
- Đạt	335 = 20.4%	73 = 23%	54 = 17.7%	55 = 17%	69 = 20%	84 = 24.1%
CCG	0	0	0	0	0	0
GQVĐ và sáng tạo	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1054 = 64.2%	163 = 51.3%	202 = 66.2%	205 = 63.5%	256 = 74%	228 = 65.3%
- Đạt	587 = 35.8%	155 = 48.7%	103 = 33.8%	118 = 36.5%	90 = 26%	121 = 34.7%
CCG	0	0	0	0	0	0
Năng lực đặc thù						
Ngôn ngữ	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1207 = 73.6%	235 = 73.9%	231 = 75.7%	236 = 73%	260 = 75.1%	245 = 70.2%
- Đạt	434 = 26.4%	83 = 26.1%	74 = 24.3%	87 = 24.9%	86 = 24.9%	104 = 29.8%
CCG	0	0	0	0	0	0
Tính toán	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1226 = 74.7%	236 = 74.2%	234 = 76.2%	223 = 69%	279 = 80.6%	254 = 72.8%
- Đạt	415 = 25.3%	82 = 25.8%	71 = 23.8%	100 = 31%	67 = 19.4%	95 = 27.2%
CCG	0	0	0	0	0	0
Tin học	1018	0	0	323	346	349
Chia ra: - Tốt	673 = 66.1%			201 = 62.2%	255 = 73.7%	217 = 62.2%
- Đạt	345 = 33.9%			122 = 37.8%	91 = 26.3%	132 = 37.8%
CCG	0			0	0	0

Công nghệ	1018	0	0	323	346	349
Chia ra: - Tốt	766 = 75.3%			238 = 73.7%	262 = 75.7%	266 = 76.2%
- Đạt	252 = 24.7%			85 = 26.3%	84 = 24.3%	83 = 23.8%
CCG	0			0	0	0
Khoa học	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1152 = 70.2%	205 = 64.5%	204 = 66.9%	210 = 65%	262 = 75.7%	271 = 77.7%
- Đạt	489 = 29.8%	113 = 35.5%	101 = 33.1%	113 = 35%	84 = 24.3%	78 = 22.3%
CCG	0	0	0	0	0	0
Thăm mĩ	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1199 = 73.1%	248 = 78%	237 = 77.7%	226 = 70%	246 = 71.1%	242 = 69.3%
- Đạt	442 = 26.9%	70 = 22%	68 = 22.3%	97 = 30%	100 = 28.9%	107 = 30.7%
CCG	0	0	0	0	0	0
Thế chất	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1301 = 79.3%	271 = 85.2%	272 = 89.2%	246 = 76.2%	253 = 73.1%	259 = 74.2%
- Đạt	340 = 20.7%	47 = 14.8%	33 = 10.8%	77 = 23.8%	93 = 26.9%	90 = 25.8%
CCG	0	0	0	0	0	0
c. Phẩm chất chủ yếu						
Yêu nước	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1467 = 89.4%	301 = 94.7%	287 = 94.1%	264 = 81.7%	294 = 85%	321 = 92%
- Đạt	174 = 10.6%	17 = 5.3%	18 = 5.9%	59 = 18.3%	52 = 15%	28 = 8%
CCG	0	0	0	0	0	0
Nhân ái	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1421 = 86.6%	279 = 87.7%	269 = 88.2%	263 = 81.4%	302 = 87.3%	308 = 88.3%
- Đạt	220 = 13.4%	39 = 12.3%	36 = 11.8%	60 = 18.6%	44 = 12.7%	41 = 11.7%
CCG	0	0	0	0	0	0
Chăm chỉ	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1248 = 76.1%	235 = 73.9%	238 = 78%	236 = 73.1%	283 = 81.8%	256 = 73.4%
- Đạt	393 = 23.9%	83 = 26.1%	67 = 22%	87 = 26.9%	63 = 18.2%	93 = 26.6%
CCG	0	0	0	0	0	0
Trung thực	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1420 = 86.5%	280 = 88%	275 = 90.2%	270 = 83.6%	299 = 86.4%	296 = 84.8%
- Đạt	221 = 13.5%	38 = 12%	30 = 9.8%	55 = 16.4%	47 = 13.6%	53 = 15.2%
CCG	0	0	0	0	0	0
Trách nhiệm	1641	318	305	323	346	349
Chia ra: - Tốt	1268 = 77.3%	236 = 74.2%	246 = 80.7%	237 = 73.4%	280 = 80.9%	269 = 77.1%

- Đạt	373 = 22.7%	82 = 25.8%	59 = 19.3%	86 = 26.6%	66 = 19.1%	80 = 22.9%
CCG	0	0	0	0	0	0

2.2. Kết quả đánh giá chung

Số HS toàn trường: 1654 em

- Số HS khuyết tật: 14 em; trong đó miễn đánh giá 13 em, 01 HS khuyết tật vận động chỉ miễn đánh giá môn GDTC.

- Số HS được đánh giá: 1641 em

- 100% HS lớp 5 Hoàn thành chương trình Tiểu học.

- Hoàn thành chương trình lớp học: 1634/1641 em đạt 99.6%.

- Chưa hoàn thành chương trình lớp học: 7/1641 em đạt 0.4%.

- Khen học sinh Xuất sắc là 458 em đạt 27.9%

- Khen học sinh Tiêu biểu: 102 em đạt 6.2%

2.3. Kết quả các cuộc thi

* Đối với cán bộ, giáo viên

- Thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường: đạt 02 giải Nhất, 03 giải Nhì, 02 giải Ba, 03 giải KK.

- Thi Giáo viên dạy giỏi cấp Quận: đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải KK.

- Thi TDTT cấp Quận (môn cầu lông): 02 giải Ba

- Đánh giá Cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Tổng số 64 đ/c (trong đó Biên chế 60 đ/c; Hợp đồng 4 đ/c; 5 đ/c mới đổ viên chức từ tháng 2/2025 nên không thực hiện đánh giá)

+ Xếp loại Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ: 11/55 = 20%

+ Xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 43/55 = 78.2%

+ Xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ: 1/55 = 1.8%

- Sáng kiến kinh nghiệm cấp Quận: Xếp loại Đạt: 9/60 = 15.0%

* Đối với học sinh

- **Cấp Quốc tế:**

Thi Toán quốc tế Timo: đạt 02 Huy chương Bạc; 02 Huy chương Đồng.

Thi Olympic Toán CMO: 01 Huy chương Vàng

Thi Toán tài năng ITMG: 01 Huy chương Vàng

Thi Toán Asmo: 01 huy chương Bạc, 01 giải KK

Thi Toán-Tiếng Anh Asmo: 01 giải KK

- **Cấp Thành phố:**

Thi Trạng nguyên Tiếng Việt: 01 giải Nhất, 08 giải Nhì, 08 giải Ba, 04 giải KK

Thi bơi ếch nữ: 01 Huy chương Vàng

Thi Viết chữ đẹp do báo Thiếu niên tổ chức: đạt giải Khuyến khích

- **Cấp Quận:**

Thi bóng đá nam: đạt Huy chương Vàng

Thi bóng rổ nam: đạt Huy chương Đồng

Olympic Tiếng Anh: 03 giải Nhì; 9 giải Ba; 10 giải KK

Thi Vioedu: đạt 04 giải Vàng; 08 giải Bạc; 08 giải Đồng và 34 giải KK.

Thi Trạng nguyên Tiếng Việt: 4 Nhất; 27 Nhì; 32 Ba; 32 KK.

- Cấp Trường:

Thi Olympic Tiếng Anh: 9 giải Nhất, 12 giải Nhì, 20 giải Ba, 29 giải KK.

Thi Viết chữ đẹp: 24 giải Nhất, 31 giải Nhì, 38 giải Ba, 33 giải KK.

Thi Vioedu: 22 Nhất – 23 Nhì – 29 Ba – 27 KK

Thi Trạng nguyên Tiếng Việt: 15 Nhất; 21 Nhì; 29 Ba; 32 KK.

Thi ngày hội “Thiếu nhi vui khỏe”: 5 giải Nhất, 10 giải Nhì, 22 giải Ba.

Trên đây là thông báo những thông tin về kết quả giáo dục thực tế của trường tiểu học Trần Phú năm học 2024-2025.

Thư trưởng đơn vị



Bùi Thị Mai Hoa